

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/DS-ST
Ngày: 21-02-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Đông.

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Trần Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:**
Bà Lý Kiều Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 446/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (N).**

Địa chỉ: B L, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật là bà Bùi Thị Thanh H – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ: Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mạc Phong V.

Địa chỉ: 1 H, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:**

1/ Ông Thái Văn Đ, sinh năm 1973;

2/ Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An

(Ông V có mặt, ông Đ, bà T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/7/2024 và các lời trình bày của ông Mạc Phong V là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q có trong hồ sơ có nội dung:

Ngày 18/02/2022, ông Thái Văn Đ và bà Võ Thị Thanh T1 có ký kết với Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh L “Hợp đồng cho vay” số 034/22/HĐCV-9378 theo Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/034/22/HĐCV-9378 ngày 18/02/2022 để vay số tiền 4.750.000.000đ; Mục đích vay: Hoàn tiền mua bất động sản; Nay nhận nợ: 18/02/2022; Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân; Lãi suất kỳ đầu tiên: lãi suất vay kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 18/5/2022 là: 11,50 %/năm; Lãi suất kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của Khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức lãi suất vay bằng LSCS cộng (+) 3,50%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi phạt chậm trả lãi: 10%/năm (365 ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông Đ và bà T1 đã thế chấp tài sản bảo đảm là 02 Quyền sử dụng đất thửa đất số 14, 15 cùng tờ bản đồ số 01, loại đất lúa tủa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 708803, số vào sổ cấp GCN: CH 03763 do UBND huyện T cấp ngày 09/10/2018 và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 186292, số vào sổ cấp GCN: CS 04866 do Sở Tài nguyên và Môi Trường tỉnh L cấp ngày 22/12/2020, đều cập nhật thay đổi chủ sử dụng đất cho ông Thái Văn Đ ngày 29/01/2021 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 057/21/HĐTC-9378 ngày 03/02/2021.

Do ông Đ và bà T1 vi phạm các nghĩa vụ trả nợ đã được thỏa thuận trong hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà T1 thanh toán cho Ngân hàng Q số tiền tạm tính đến ngày 26/5/2022 là 6.300.239.998đ, trong đó nợ gốc 4.750.000.000đ, nợ lãi 1.550.239.998đ. Buộc ông Đ và bà T1 tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Q số tiền lãi phát sinh từ ngày 27/5/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay, cùng các khế ước nhận nợ đã ký. Trường hợp ông Đ và bà T1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng Q được yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng Q. Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà không đủ trả nợ cho Ngân hàng Q thì ông Đ, bà T1 vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng và ông Đ, bà T1 phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, ông V đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Q xác định ông Đ và bà T1 còn nợ Ngân hàng Q số tiền gốc là 4.750.000.000đ, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 21/02/2025 là 2.327.926.408đ nên yêu cầu ông Đ và bà T1 phải trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử và phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh sau ngày 21/02/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Bị đơn, ông Thái Văn Đ và bà Võ Thị Thanh T1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:

Ông Thái Văn Đ và bà Võ Thị Thanh T1 đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Đ, bà T1 không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức. Phiên tòa hôm nay, ông Đ, bà T1 cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q và đề nghị giải quyết các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP Q khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với ông Thái Văn Đ và bà Võ Thị Thanh T1 có địa chỉ cư trú tại huyện Đ, tỉnh Long An. Tuy nhiên, căn cứ vào việc các bên đã có thỏa thuận tại Điều 7 trong “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” ngày 03/02/2021 là việc bên Ngân hàng Q có quyền lựa chọn Tòa án nhân dân tại nơi Ngân hàng có trụ sở chi nhánh giải quyết khi có tranh chấp xảy ra nên việc Ngân hàng Q khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Tân An là có đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Bị đơn là ông Thái Văn Đ và bà Võ Thị Thanh T1: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông Đ, bà T1 đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Đ, bà T1 không chấp hành nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về hợp đồng tín dụng: Căn cứ theo “Hợp đồng cho vay” số 034/22HĐCV-9378 ngày 18/02/2022 giữa Ngân hàng Q với ông Đ và bà T1 có chữ ký tên và chữ viết tên ông Thái Văn Đ và bà Võ Thị Thanh T1 nên đủ cơ sở để xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập “Hợp đồng cho vay” số 034/22HĐCV-9378 ngày 18/02/2022 để vay số tiền 4.750.000.000đ; Mục đích vay: Hoàn tiền mua bất động sản; Ngày nhận nợ: 18/02/2022; Thời hạn vay: 12 tháng, kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân; Lãi suất kỳ đầu tiên: lãi suất vay kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 18/5/2022 là: 11,50 %/năm; Lãi suất kỳ tiếp theo: Lãi suất áp dụng đối với các khoản vay của Khách hàng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần theo công thức lãi suất vay bằng LSCS cộng (+) 3,50%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi phạt chậm trả lãi: 10%/năm (365 ngày) tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Tính đến ngày 21/02/2024, ông Đ và bà T1 còn nợ Ngân hàng Q số tiền gốc vay là 4.750.000.000đ, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 21/02/2025 là 2.327.926.408đ, tổng cộng là 7.077.926.408đ nên Ngân hàng khởi kiện yêu

cầu ông Đ, bà T1 trả số tiền gốc vay và tiền lãi suất, tiền phí phát sinh tạm tính đến ngày 21/02/2025 tổng cộng là 7.077.926.408đ. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở buộc ông Đ và bà T1 phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền gốc vay đối với hợp đồng vay trên tổng cộng là 7.077.926.408đ cho Ngân hàng TMCP Q theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về phương thức thanh toán: Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q yêu cầu ông Đ, bà T1 trả số tiền nợ gốc và lãi còn nợ Ngân hàng tạm tính đến thời điểm xét xử là 21/02/2025. Xét thấy, ông Đ và bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng, vì vậy cần buộc ông Đ và bà T1 hoàn trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng Q sau khi có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về lãi suất phát sinh sau ngày 21/02/2025 (là ngày xét xử sơ thẩm): Căn cứ theo “Hợp đồng cho vay” số 034/22HĐCV-9378 ngày 18/02/2022 thì giữa các bên có thỏa thuận về lãi suất cho vay, gồm: lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn, việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay đến thời điểm khách hàng vay chưa thanh toán xong khoản nợ, hoặc thanh toán không đủ số tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng vay... Hội đồng xét xử xét thấy, việc Ngân hàng Q yêu cầu ông Đ và bà T1 tiếp tục chịu lãi suất từ ngày 22/02/2025 đến thời điểm thanh toán nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận với Ngân hàng Q theo “Hợp đồng cho vay” số 034/22HĐCV-9378 ngày 18/02/2022 tương ứng với số tiền nợ và thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong số tiền nợ là có căn cứ đúng quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Ông Đ và bà T1 phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh từ ngày 22/02/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng Q.

[6] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo các khoản vay của ông Đ và bà T1 tại Ngân hàng TMCP Q, ông Đ và bà T1 có thể chấp các tài sản gồm 02 quyền sử dụng thửa đất số 14 và 15 tờ bản đồ số 1 có tổng diện tích là 30.274m², loại đất lúa tủa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 708803 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 03763 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/10/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 186292 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 04866 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 22/12/2020 được cập nhật biến động ngày 29/01/2021 cho ông Thái Văn Đ.

[7] Đối với yêu cầu của Ngân hàng đề nghị Tòa án **xem xét tiếp tục hợp đồng thế chấp để bảo đảm việc thu hồi nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận thấy:** Việc thế chấp tài sản để đảm bảo các khoản vay của ông Đ và bà T1 được thực hiện theo “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” số 057/21/HĐTC-9378 ngày 03/02/2021 cho Ngân hàng TMCP Q. Đối tượng thế chấp để đảm bảo khoản vay của ông Đ và bà T1 là quyền sử dụng quyền sử dụng thửa đất số 14 và 15 tờ bản đồ số 1 có tổng diện tích là 30.274m², loại đất lúa tủa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 708803 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 03763 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/10/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 186292 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 04866 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 22/12/2020 được cập nhật biến động ngày 29/01/2021 cho ông Thái Văn Đ. Nhận thấy, hợp đồng thế chấp trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật nên yêu cầu

tiếp tục thực hiện “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” số 057/21/HĐTC-9378 ngày 03/02/2021 để đảm bảo thi hành án đối với các khoản nợ vay của ông Đ và bà T1 đối với Ngân hàng TMCP Q là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 317, Điều 319 Bộ luật Dân sự.

[8] Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q về việc yêu cầu ông Đ và bà T1 vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số nợ còn lại nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: yêu cầu này của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật vì việc ông Đ và bà T1 nếu không thực hiện hết nghĩa vụ trả nợ sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng nên Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiếp tục kê biên phát mãi tài sản hợp pháp khác của ông Đ và bà T1 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ và chi phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng.

[9] Về chi phí tố tụng: ông Đ và bà T1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí xác minh, thu thập chứng cứ là 10.000.000đ. Ngân hàng TMCP Q đã tạm ứng chi phí trên nên cần buộc ông Đ và bà T1 phải hoàn trả cho Ngân hàng số tiền trên theo quy định tại Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[10] Hội đồng xét xử xét thấy, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án trên là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[11] Về án phí: ông Thái Văn Đ và bà Võ Thị Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 115.077.926đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Ngân hàng TMCP Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 57.150.120đ do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 317, Điều 319, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Q yêu cầu ông Thái Văn Đ và bà Võ Thị Thanh T1 có trách nhiệm liên đới trả số tiền gốc vay là 4.750.000.000đ, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 21/02/2025 là 2.327.926.408đ, tổng cộng là 7.077.926.408đ.

- Buộc ông Thái Văn Đ và bà Võ Thị Thanh T1 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền nợ gốc vay là 4.750.000.000đ, tiền lãi phát sinh tính đến ngày 21/02/2025 là 2.327.926.408đ, tổng cộng là 7.077.926.408đ.

2. Buộc ông Thái Văn Đ và bà Võ Thị Thanh T1 có trách nhiệm liên đới tiếp tục thanh toán số nợ lãi phát sinh từ ngày 22/02/2025 đến thời điểm thanh toán nợ theo mức lãi suất nợ đã được thỏa thuận với Ngân hàng TMCP Q theo “Hợp đồng cho vay” số 034/22HĐCV-9378 ngày 18/02/2022 tương ứng với số tiền nợ và thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong số tiền vay.

3. Tiếp tục thực hiện “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” số 057/21/HĐTC-9378 ngày 03/02/2021 thế chấp 02 quyền sử dụng thửa đất số 14 và 15 cùng tờ bản đồ số 1 có tổng diện tích là 30.274m², loại đất lúa tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 708803 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 03763 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/10/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 186292 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 04866 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 22/12/2020 được cập nhật biến động ngày 29/01/2021 cho ông Thái Văn Đ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Trong trường hợp ông Thái Văn Đ và bà Võ Thị Thanh T1 không trả được nợ, Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu xử lý phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo “Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất” số 057/21/HĐTC-9378 ngày 03/02/2021 thế chấp 02 quyền sử dụng thửa đất số 14 và 15 cùng tờ bản đồ số 1 có tổng diện tích là 30.274m², loại đất lúa tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 708803 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 03763 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 09/10/2018 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA 186292 số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CS 04866 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 22/12/2020 được cập nhật biến động ngày 29/01/2021 cho ông Thái Văn Đ để thu hồi nợ.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Thái Văn Đ và bà Võ Thị Thanh T1 phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q1 tiền 10.000.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Thái Văn Đ và bà Võ Thị Thanh T1 có trách nhiệm liên đới nộp 115.077.926đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Q được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 57.150.120đ theo biên lai thu số 0000901 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An.

6. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh